

Số: /QĐ-UBND

Chư Pǎh, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng
Nghĩa trang nhân dân, huyện Chư Pǎh, tỉnh Gia Lai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ QCVN 07-10: 2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình nghĩa trang;

Căn cứ QCVN 01:2019/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 11/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Quyết định số 92a/QĐ-UBND ngày 12/09/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thu hồi của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Pǎh và giao cho UBND huyện Chư Pǎh quản lý;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 23/07/2021 của HĐND huyện Chư Păh khóa VI - Kỳ họp thứ Hai về việc thống nhất tăng thu tiền sử dụng đất và bổ sung danh mục đầu tư dự án từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND huyện Chư Păh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Chư Păh;

Căn cứ Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Chư Păh,

Căn cứ Kết luận số 825-KL/HU ngày 08/12/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy tại Hội nghị phiên thường kỳ tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 30-TB/HU ngày 17/12/2021 Kết luận của Ban chấp hành đảng bộ huyện đối với các Tờ trình của Ban Thường vụ Huyện ủy.

Theo Công văn số 2529/SXD-QLQH ngày 20/12/2021 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Chư Păh.

Xét đề nghị tại Tờ trình số 48/TTr-PKTHT ngày 23/12/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Chư Păh và Báo cáo thẩm định số 115/BCTĐ-PKTHT ngày 23/12/2021 về việc thẩm định Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Chư Păh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch đối với nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Nghĩa trang nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

2. Địa điểm, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

2.1. Địa điểm: Thôn 2, xã Hòa Phú, huyện Chư Păh.

2.2. Ranh giới:

- Phía Đông: Giáp đường đất và đất cao su;
- Phía Tây : Giáp đất bờ lờ;
- Phía Nam: Giáp đường nhựa và đất cao su;
- Phía Bắc: Giáp đất cao su.

2.3. Quy mô quy hoạch:

- Quy mô đất đai: 5,0 ha (50.000m²).
- Quy mô phục vụ Nghĩa trang: 2.836 mộ, bao gồm: Mộ hung táng 2.276 mộ và Mộ cát táng: 560 mộ.
- Tỷ lệ lập quy hoạch 1/500.
- Thời hạn đóng cửa là 30 năm.

3. Mục tiêu và tính chất của đồ án:

3.1. Mục tiêu:

- Đáp ứng nhu cầu an táng, thăm viếng người đã khuất của người dân trên địa bàn huyện, phù hợp với đời sống tâm linh, tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa. Từng bước đưa công tác quản lý, sử dụng Nghĩa trang vào nề nếp.

- Hình thành khu Nghĩa trang nhân dân gắn kết hài hòa với các ngôi mộ hiện hữu phù hợp với cảnh quan thiên nhiên chung, tạo cảm giác về một nơi yên bình cho người đã khuất, giảm thiểu các tác động đến chất lượng môi trường sống, đảm bảo môi trường xanh ,sạch, đẹp...

3.2. Tính chất:

Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch và cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng xã, đảm bảo tính đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Toàn khu quy hoạch có diện tích 50.000m², được phân bổ như sau:

- Đất mai táng : 27.134m², chiếm 54,2%.
- Đất công trình chức năng và HTKT : 22.866m², chiếm 45,8%.

4.2. Cơ cấu phân khu chức năng:

4.2.1. Đất mai táng:

- Tổng diện tích khu chôn cất: 27.134m². Tổng số mộ chôn cất: 2.836 mộ.
- Diện tích khu chôn cất mộ hung táng: 23.870m². Số mộ chôn cất: 2.276 mộ.
- Diện tích khu chôn cất mộ cát táng: 3.264m². Số mộ chôn cất: 560 mộ.
- * Khu chôn cất A1.
 - Số mộ chôn cất: 408 mộ.
 - Diện tích khu chôn cất: 4.160,6m², trong đó: diện tích phần mộ: 1.999,2m²; diện tích đường phân lô: 435,4m²; diện tích đường phân nhóm: 77,4m²; diện tích đường phân mộ: 1.648,6m².
- * Khu chôn cất A2.
 - Số mộ chôn cất: 396 mộ.
 - Diện tích khu chôn cất: 4.174,1m², trong đó: diện tích phần mộ: 1.940,4m²; diện tích đường phân lô: 595,7m²; diện tích đường phân nhóm: 86,4m²; diện tích đường phân mộ: 1.551,6m².
- * Khu chôn cất A3.
 - Số mộ chôn cất: 500 mộ.
 - Diện tích khu chôn cất: 5.011,8m², trong đó: diện tích phần mộ: 2.450m²; diện tích đường phân lô: 526,4m²; diện tích đường phân nhóm: 105,6m²; diện tích đường phân mộ: 1.929,8m².

* Khu chôn cất A4.

- Số mộ chôn cất: 528 mộ.

- Diện tích khu chôn cất: $5.258,2m^2$, trong đó: diện tích phần mộ: $2.587,2m^2$; diện tích đường phân lô: $541,4m^2$; diện tích đường phân nhóm: $105,6m^2$; diện tích đường phân mộ: $2.024m^2$.

* Khu chôn cất A5.

- Số mộ chôn cất: 432 mộ.

- Diện tích khu chôn cất: $3.761,4m^2$, trong đó: diện tích phần mộ: $1.587,6m^2$; diện tích đường phân lô: $939m^2$; diện tích đường phân nhóm: $129,6m^2$; diện tích đường phân mộ: $1.105,2m^2$.

* Khu chôn cất A6.

- Số mộ chôn cất: 572 mộ.

- Diện tích khu chôn cất: $4.764,8m^2$, trong đó: diện tích phần mộ: $2.156m^2$; diện tích đường phân lô: $505,6m^2$; diện tích đường phân nhóm: $158,4m^2$; diện tích đường phân mộ: $1.944,8m^2$.

4.2.2. Đất công trình chức năng và hạ tầng kỹ thuật:

- Cổng Nghĩa trang: diện tích khu đất: $60m^2$, chiếm 0,12% diện tích toàn khu.

- Nhà Quản trang: diện tích khu đất: $45m^2$, chiếm 0,09% diện tích toàn khu.

- Bãi đậu xe: diện tích khu đất: $1.294m^2$, chiếm 2,58% diện tích toàn khu.

- Nhà linh: diện tích khu đất: $140m^2$, chiếm 0,28% diện tích toàn khu.

- Miếu Thổ thần: diện tích khu đất: $61m^2$, chiếm 0,13% diện tích toàn khu.

- Trạm cấp nước: diện tích khu đất: $9,0m^2$, chiếm 0,01% diện tích toàn khu.

- Chòi nghỉ chân: diện tích khu đất: $56m^2$ (có 04 chòi, $14m^2$ /chòi), chiếm 0,12% diện tích toàn khu.

- Đất hoa viên cây xanh: diện tích quy hoạch: $695m^2$, chiếm 1,39% diện tích toàn khu.

- Đất cây xanh cách ly: diện tích quy hoạch: $11.805m^2$, chiếm 23,61% diện tích toàn khu.

- Khu vực Nghĩa trang hiện trạng: diện tích: $13.714m^2$, bao gồm: diện tích đã sử dụng chôn cất: $9.251m^2$; diện tích chưa sử dụng chôn cất: $4.463m^2$ sẽ định hướng quy hoạch thành bãi đậu xe và hoa viên cây xanh.

- Nhà xử lý nước: Diện tích: $105m^2$, bao gồm: nhà xử lý và khu vực hồ điều hòa.

- Đất giao thông chính: Diện tích: $8.701m^2$, chiếm 1,39% diện tích toàn khu.

- Hàng rào: hàng rào thoáng, có chiều dài 223m; hàng rào đặc, có chiều dài 135m; hàng rào kẽm gai, có chiều dài 363m.

5. Định hướng tổ chức không gian toàn khu:

5.1. Định hướng khu mai táng:

5.1.1. Đối với phần mộ hung táng:

- Diện tích đất cho một phần mộ $4,9m^2$: chiều dài: 3,5m, chiều rộng: 1,4m.
- Kích thước mộ: chiều dài: 3,0m, chiều rộng: 1,4m, chiều cao: 2,5m (tính từ mặt nền của ngôi mộ).
- Huyệt mộ: chiều dài: 2,2m, chiều rộng: 0,9m, chiều sâu: 1,5m.

5.1.2. Đối với phần mộ cát táng:

- Diện tích đất cho một phần mộ $2,8m^2$: chiều dài: 2,0m, chiều rộng: 1,4m.
- Kích thước mộ: chiều dài: 2,0m, chiều rộng: 1,4m, chiều cao: 2,2m (tính từ mặt nền của ngôi mộ).
- Huyệt mộ: chiều dài: 1,2m, chiều rộng: 0,8m, chiều sâu: 0,8m.

5.2. Định hướng khoảng cách giữa các dãy mộ trong một khu vực:

- Lối đi giữa các lô mộ là: 3,5m.
- Lối đi bên trong các lô mộ là: 1,2m.
- Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp là: 0,8m.
- Khoảng cách giữa 2 mộ liên tiếp cùng hàng là: 0,6m.

5.3. Định hướng không gian:

- Các công trình điểm nhấn: Sắp xếp các công trình thành từng khu chức năng nhằm mục đích giảm diện tích bề mặt, giảm số lượng. Kiến trúc các khối đơn giản về hình dáng và chiều cao hợp lý, tạo thành một kiểu kiến trúc nghệ thuật duy nhất bằng cách bố trí hợp lý theo từng chức năng. Dự kiến trong khu quy hoạch bố trí 01 Nhà Linh là điểm trung tâm của Nghĩa trang đây là điểm trung tâm của khu vực.

- Hình khối của các công trình theo phong cách cổ kính phù hợp thuần phong mỹ tục của người Việt, tôn trọng giá trị thẩm mỹ cảnh quan chung của khu vực. Toàn bộ khu vực quy hoạch phải có sự đồng nhất về kiến trúc từ cách tổ hợp hình khối màu sắc đến trang trí.

- Tất cả các công trình trong khu quy hoạch phải đảm bảo ánh sáng tự nhiên và không gian thoáng xung quanh công trình.

- Màu sắc toàn bộ khu vực cần sử dụng màu trầm ấm, chỉ giới xây dựng và định vị các công trình được xác định tại Bản đồ quy hoạch phân lô được phê duyệt.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Quy hoạch giao thông:

- Lấy cốt san nền là đường quy hoạch Đ1 rộng 20m của khu quy hoạch làm cốt khống chế. Mạng lưới được thiết kế theo dạng ô cờ tạo ra mạng lưới giao thông liên hoàn; kết hợp với các tuyến đường cong có bán kính phù hợp với tiêu chuẩn, đảm bảo đấu nối thuận lợi giữa các khu chức năng trong Nghĩa trang.

- Kết cấu mặt đường bao gồm: đường nhựa và đường bê tông.

+ Đường láng nhựa: các trục đường chính, đường phân khu, gồm đường quy hoạch Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5. Mặt đường nhựa; 2 lớp cấp phối đá dăm dày 30cm; nền đất đầm chặt K=0,9 dày 30cm; nền đường lu lèn chặt đạt K=0,95.

+ Đường bê tông: các trục đường phân lô, đường phân nhóm, đường phân mộ. Mặt đường bê tông M250, đá 2 x 4, dày 22cm; LYNON chống thấm 2 lớp, loại 2; đá dăm cấp phối (loại 2), dày 25cm; lớp đất san nền k=0,98, dày 50cm.

+ Kết cấu vỉa hè: lát gạch BLOCK tự chèn P7 - P10 đặt trên lớp cát vàng đệm dày 5cm.

- Bảng tổng hợp mạng lưới đường giao thông:

Stt	Tên đường	Lòng đường (m)	Giải phân cách (m)	Vỉa hè	Bề rộng lộ giới (m)
1	Đường quy hoạch Đ1 rộng 20m (M.C 1-1)	$4,75 \times 2 = 9,5$	0,0	$5,25 \times 2 = 10,5$	20
2	Đường quy hoạch Đ2 rộng 16m (M.C 2-2)	$3,5 \times 2 = 7,0$	2,0	$3,5 \times 2 = 7,0$	16
3	Đường quy hoạch Đ3 rộng 13,5m (M.C 3-3)	$3,25 \times 2 = 6,5$	0,0	$3,5 \times 2 = 7,0$	13,5
4	Đường quy hoạch Đ4 rộng 12m (M.C 4-4)	$2,5 \times 2 = 5,0$	0,0	$3,5 \times 2 = 7,0$	12
5	Đường quy hoạch Đ5 đến Đ8 rộng 7,0m (M.C 5-5)	$1,75 \times 2 = 3,5$	0,0	$1,75 \times 2 = 3,5$	7,0
6	Đường quy hoạch giữa các lô mộ, đường phân lô (M.C 6-6)	$1,75 \times 2 = 3,5$	0,0	0,0	3,5
7	Đường quy hoạch lối đi bên trong các lô mộ đường phân nhóm (M.C 7-7)	$0,6 \times 2 = 1,2$	0,0	0,0	1,2

6.2. Quy hoạch chiều cao:

- San nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế.

- Chênh cao giữa hai đường đồng mức là 0,2m, ở khu vực chênh cốt lớn thể hiện chênh cao giữa 2 đường đồng mức là 0,2 - 4,0m. Các tuyến đường thiết kế, đường 2 mái dốc 2,0%.

- Thiết kế san nền hướng dốc về các mương thoát nước, cốt sao cho thoát nước mặt nhanh nhất.

- Đắp nền có thể dùng cát hoặc đất đồi (đất cấp 3). Khu vực đường và khu đất có chênh cốt lớn khi thiết kế xây dựng dùng kè đá kết hợp mái dốc thảm cỏ.

- Tổng khối lượng đào nền: 15.305m^3 .

- Tổng khối lượng đắp nền: 12.750m^3 .

6.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Nước mưa sẽ được thoát theo nguyên tắc tự chảy, từ hướng san nền và hiện trạng thoát nước khu vực xung quanh, như sau:

+ Nước mặt từ các khu đất được thoát theo hướng san nền xuống mương dẫy đan BTCT có đường kính B500 theo hướng Tây, rồi thoát xuống hồ điều hòa làm nhiệm vụ xử lý nước sinh học trước khi xả ra môi trường. Các tuyến cống có độ dốc 0,2 - 15% theo địa hình san nền thiết kế.

+ Hồ điều hòa có tác dụng chứa nước, trung chuyển nước và đổ ra ngoài khe nước tự nhiên qua tuyến cống buy BTCT D1500, cao độ đáy cống được tính toán đặt để duy trì mực nước trong hồ điều hòa đảm bảo lúc nào cũng có lớp nước cảnh quan có chiều cao $\geq 1,5\text{m}$.

- Giai đoạn đầu: Khi dự án chưa triển khai đồng bộ, hệ thống nước sẽ hoạt động theo chế độ tự chảy, theo địa hình đã được san nền và ngấm trực tiếp vào nền đất trong phạm vi khu đất quy hoạch. Lượng nước thấm thấu từ 50 - 60% lượng nước thải toàn khu khi dự án được hoàn thành, $Q_{tt} = Q_{tn} \times 55\% = 49,55 \times 55\% = 27,25\text{m}^3/\text{ngày,đêm}$.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Đầu nối từ nguồn điện hiện có, vị trí điểm đầu nối cách khoảng 250m, do Điện lực Chư Păh thuộc Công ty Điện Lực Gia Lai vận hành quản lý.

- Mạng lưới:

+ Bố trí trạm biến áp công suất 100KVA đặt tại phía Đông - Bắc.

+ Mạng trung thế: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC đi nổi trên cột bê tông ly tâm cao 8,5m, có tiết diện $\geq 4 \times 120\text{mm}^2$, chiều dài 315m.

+ Mạng hạ thế: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC đi nổi trên cột bê tông ly tâm cao 8,5m, có tiết diện $\geq 4 \times 50\text{mm}^2$, chiều dài 1.245m.

- Chiếu sáng:

+ Tủ điều khiển chiếu sáng được đặt tại nhà quản trang, cấp bảo vệ tủ tối thiểu IP55 được vận hành đóng cắt theo lịch trình và có thể điều chỉnh được.

+ Lưới cấp điện chiếu sáng đèn đường là lưới kết hợp lưới hạ thế 0,4 KV được thiết kế đi nổi với dây dẫn PVC 600V. Được bố trí chiếu sáng một bên; cột đèn sử dụng cho giao thông là cột bê tông ly tâm cao 8m đến 11m.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện: $P_{tt} = 12,7 \text{ KVA}$.

6.5. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Từ giếng khoan sẽ được bơm lên trạm cấp nước 30m^3 , cao 15m, từ trạm cấp nước thông qua mạng lưới ống dẫn nước cung cấp đến các đơn vị dùng nước. Giai đoạn đầu chưa có hệ thống cấp nước sẽ sử dụng phương án cấp nước bằng xe cơ giới.

- Mạng lưới: Cấp nước cho cán bộ quản trang; khách thăm viếng; rửa mộ, xây mộ, tưới cây, rửa đường... Đường ống chính sử dụng ống HDPE đường kính 50mm, chiều dài 365m. Đường ống phụ sử dụng ống HDPE đường kính 32mm, chiều dài 1.075m.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: $Q_{cn} = 53,85\text{m}^3/\text{ngày,đêm}$.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

-Thoát nước thải: Nước thải từ công trình nhà quản trang được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn lọc, xử lý triệt để để đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi thoát ra mương thoát nước chung. Hệ thống thoát nước nội bộ được xây dựng để thoát nước mưa cho các khu chức năng. Sử dụng mương đáy đan BTCT đường kính B=500mm, chiều dài 2.600m, độ dốc đáy mương $i= 0,2 - 3,5\%$.

- Tổng nhu cầu thoát nước thải: $Q_{tn} = 39,64m^3/\text{ngày, đêm}$.

6.7. Vệ sinh môi trường:

- Rác thải từ các hoạt động cúng bái, đốt quần áo đồ dùng của người quá cố như vàng mã, hương, tro.

- Chất thải rắn sinh hoạt gồm các loại sau: Giấy các loại vỏ hộp, thủy tinh, rác nhựa các loại, thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...

- Phương thức thu gom : Đối với khu các công trình chức năng và hoa viên cây xanh...đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín. Rác thải sau khi được phân loại, thu gom hàng ngày và vận chuyển về điểm tập kết trước khi đưa về khu chôn lấp chất thải rắn của xã.

- Tổng nhu cầu chất thải rắn cần thu gom: $Q_{ctr} = 48kg/\text{ngày}$.

Điều 2. Giao cho phòng Kinh tế và Hạ tầng phối hợp với các cơ quan liên quan công bố, cắm mốc và tổ chức thực hiện, quản lý quy hoạch được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trạm trưởng Trạm Cấp nước và Dịch vụ đô thị, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Chư Păh, Chủ tịch UBND nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- CVP, các PVP HĐND-UBND huyện;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nay Kiên